TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số **22**/2019/DS-ST
Ngày 22/8/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông **Đỗ Khánh Hà**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Bùi Thị Truyền**
Ông **Lê Văn Lưỡng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hà Tuyên -** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Trương Ngọc Bình** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-DS ngày 17/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-DS ngày 02/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị M -** sinh năm 1963
Địa chỉ: Thôn B, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tường L** – sinh năm 1984.
Địa chỉ: 26.03 đường 18A Khu đô thị L 2, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/3/2019). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Đặng X** – sinh năm 1963 và bà **Trần Thị Mỹ N** – sinh năm 1968.
Địa chỉ: Thôn V, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.
Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Tường L trình bày:

Ngày 16/9/2017, bà Trần Thị M có cho vợ chồng ông Đặng X và bà Trần Thị Mỹ N vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 16/9/2017 đến ngày 16/9/2018), lãi suất một tháng là 400.000 đồng (tương đương 0,1%/tháng). Từ thời điểm vay tiền đến nay, ông X và bà N không trả tiền lãi hàng tháng theo như thỏa thuận. Hết thời hạn vay tiền, bà M đã nhiều lần yêu cầu ông X và bà N thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng ông X và bà N vẫn cố tình không trả tiền cho bà M.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng X và bà Trần Thị Mỹ N trả cho bà M số tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 16/9/2017 đến ngày 16/7/2019 là

22 tháng, lãi suất 0,1%/tháng, thành tiền là 400.000.000đ x 0,1% x 22 tháng = 8.800.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 408.800.000 đồng, yêu cầu trả một lần.

Đối với bị đơn ông Đặng X và bà Trần Thị Mỹ N: Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã tiến hành thực hiện các thủ tục triệu tập, xác minh và tống đạt hợp lệ để lấy lời khai theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông X và bà N không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M nên Tòa án đưa vụ án ra giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự quy định trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Phía bị đơn ông Đặng X và bà Trần Thị Mỹ N đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản, không trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn bà Trần Thị M theo hợp đồng vay tài sản đã ký kết giữa hai bên vào ngày 16/9/2017. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Căn cứ vào Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đặng X và bà Trần Thị Mỹ N phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị M số tiền cả gốc và lãi là 408.800.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn ông Đặng X và bà Trần Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị M khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đặng X và bà Trần Thị Mỹ N phải trả số tiền vay cả gốc và lãi là 408.800.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đặng X và bà Trần Thị Mỹ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đặng X và bà Trần Thị Mỹ N.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 16/9/2017, ông Đặng X và bà Trần Thị Mỹ N viết giấy mượn của bà Trần Thị M số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 16/9/2017 đến ngày 16/9/2018, lãi suất một tháng 400.000 đồng (tương đương 0,1%/tháng).

Các bên có đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự khi ký kết hợp đồng dân sự, việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản ngày 16/9/2017 giữa bà Trần Thị M với ông Đặng X và bà Trần Thị Mỹ N là có thật và hợp pháp. Xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và có quy định lãi suất.

Về yêu cầu trả nợ gốc: Theo giấy mượn tiền ngày 16/9/2017, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 16/9/2017 đến ngày 16/9/2018. Đến hết thời hạn vay nhưng ông X và bà N

không trả số tiền đã vay cho bà M. Như vậy, ông X và bà N đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay, không trả tiền vay đúng hạn, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M. Vì vậy, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông X và bà N trả số tiền gốc 400.000.000 đồng là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Về yêu cầu trả tiền lãi: Tại mục 2 Điều 2 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: "*Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng được xác lập kể từ ngày 01/01/2017 thì áp dụng quy định về lãi, lãi suất của Bộ luật dân sự năm 2015 và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết*". Quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay (tương đương 1,6%/tháng). Như vậy, các bên thỏa thuận lãi suất một tháng là 400.000 đồng, tương đương 0,1%/tháng, mức lãi suất này phù hợp với quy định của pháp luật. Từ thời điểm vay tiền đến nay, ông X và bà N chưa thanh toán bất cứ khoản tiền lãi nào cho bà M. Vì vậy, bà M yêu cầu ông X và bà N trả tiền lãi tính từ ngày 16/9/2017 đến ngày 16/7/2019 là 22 tháng, lãi suất 0,1%/tháng, thành tiền là 400.000.000đ x 0,1% x 22 tháng = 8.800.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Đặng X và bà Trần Thị Mỹ N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể: 20.000.000đ + (8.800.000đ x 4%) = 20.352.000 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Trần Thị M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M. Buộc ông Đặng X và bà Trần Thị Mỹ N phải trả cho bà Trần Thị M số tiền cả gốc và lãi là 408.800.000đ (Bốn trăm lẻ tám triệu tám trăm ngàn đồng).

Quy định: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Ông Đặng X và bà Trần Thị Mỹ N phải nộp 20.352.000đ (Hai mươi triệu ba trăm năm mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị M 11.200.000đ (Mười một triệu hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0006404 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Báo cho nguyên đơn bà Trần Thị M biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Đặng X và bà Trần Thị Mỹ N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đỗ Khánh Hà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án.